

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08- 6 - 2022

V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quý.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh;

2. Ông Đặng Minh Lý.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 106/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022 về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/5/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà N T H T, sinh năm 1980; địa chỉ: .. khu phố 1, phường H P, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, *có đơn đề nghị vắng mặt.*

- *Bị đơn:* Ông P N A, sinh năm 1975; địa chỉ: ..khu phố 1, phường H P, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, *vắng mặt không có lý do.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Nguyên đơn và bị đơn quen biết, tự nguyện tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết ngày 14/4/2004 tại Ủy ban nhân dân xã N S, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Những năm gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Mặc dù hai bên có gắng hòa giải nhưng không thành. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng không còn yêu thương chăm sóc lẫn nhau. Nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy đề nghị tòa án giải quyết ly hôn.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống các con chung P T N H, sinh ngày 29/01/2005 và P G H, sinh ngày 02/7/2009. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn

nguyên đơn yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có nên yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn ông P N A*: Không giao nộp tài liệu, chứng cứ nào trong quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt toàn bộ trong quá trình giải quyết vụ án.

* *Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo tố tụng và việc giải quyết vụ án*:

- *Về tố tụng*: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định pháp luật về người tiến hành tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham tố tụng nên phải chịu hậu quả khi từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thủ tục xét xử theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng xét xử theo quy định pháp luật. Viện Kiểm sát không kiến nghị, khắc phục gì thêm.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về ly hôn. Bị đơn đang cư trú tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[2] *Về sự vắng mặt các đương sự*: Nguyên đơn làm đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 228, Khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Nguyên đơn yêu cầu khởi kiện ly hôn và tranh chấp nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng và không có bất cứ ý kiến nào liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để đánh giá, xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn và bị đơn quen biết, tự nguyện tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết ngày 14/4/2004 tại Ủy ban nhân dân xã N S, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Vì vậy quan hệ hôn nhân giữa các bên là hôn nhân hợp pháp theo qui định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- *Về mâu thuẫn vợ chồng*: Nguyên đơn xác định mâu thuẫn vợ chồng nhiều năm nay, trầm trọng, kéo dài và không thể hàn gắn. Bị đơn đã được tòa án triệu tập nhiều

lần để hòa giải. Tuy nhiên bị đơn vẫn vắng mặt điều này thể hiện việc không mong muốn hòa giải đoàn tụ. Vì vậy có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng các bên không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] *Về con chung*: Xét thấy nguyên đơn yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến các con chung đều mong muốn được ở với nguyên đơn. Vì vậy cần giao các con chung cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[3.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Nguyên đơn không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Từ những nhận định trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn .

[4] *Xét ý kiến của Kiểm sát viên*: Quan điểm của kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 235, Khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N T H T và ông P N A về việc: Ly hôn và tranh chấp nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà N T H T được ly hôn với ông P N A.

- Về con chung: Giao bà N T H T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc các con chung P T N H, sinh ngày 29/01/2005 và P G H, sinh ngày 02/7/2009. Việc cấp dưỡng các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Các bên đều có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở ông, bà thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà N T H T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ toàn bộ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0001020 ngày 09/3/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một;
- UBND xã N S, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An;
- Đương sự;
- Lưu: HSPA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Quý